

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG
Số 10/11 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

NỘI DUNG

1. Mục lục	1
2. Báo cáo tài chính	2
3. Bảng cân đối kế toán	3
4. Bảng lợi nhuận và lỗ	4
5. Bảng dòng tiền	5
6. Bảng biến động vốn chủ sở hữu	6
7. Bảng biến động nợ phải trả	7
8. Bảng biến động tài sản	8
9. Bảng biến động doanh thu và chi phí	9
10. Bảng biến động chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	10
11. Bảng biến động chi phí tài chính	11
12. Bảng biến động chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12
13. Bảng biến động chi phí thuế thu nhập cá nhân	13
14. Bảng biến động chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt	14
15. Bảng biến động chi phí thuế tiêu thụ giá trị gia tăng	15
16. Bảng biến động chi phí thuế thu nhập hoãn lại	16
17. Bảng biến động chi phí thuế thu nhập hoãn lại	17
18. Bảng biến động chi phí thuế thu nhập hoãn lại	18
19. Bảng biến động chi phí thuế thu nhập hoãn lại	19
20. Bảng biến động chi phí thuế thu nhập hoãn lại	20

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

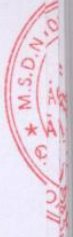
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-31



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400101669 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 05 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Trung Nghĩa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Phúc	Ủy viên
Ông Đàm Ngọc Bảo	Ủy viên
Ông Nguyễn Thơi	Ủy viên
Ông Trần Hữu Thành	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đàm Ngọc Bảo	Giám đốc
Ông Trần Hữu Thành	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thị Lệ Ninh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đàm Ngọc Bảo
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng được lập ngày 15 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		46.460.849.777	37.610.540.025
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.480.944.621	6.617.868.714
111	1. Tiền		6.480.944.621	6.617.868.714
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.000.339.376	5.258.631.891
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	13.675.290.363	5.761.614.910
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.801.756.442	1.147.088.181
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	758.282.571	584.918.800
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.234.990.000)	(2.234.990.000)
140	IV. Hàng tồn kho	8	24.758.760.011	25.008.473.966
141	1. Hàng tồn kho		24.941.160.011	25.190.873.966
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(182.400.000)	(182.400.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		220.805.769	725.565.454
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	114.207.594	10.191.057
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		66.346.841	353.662.112
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	40.251.334	361.712.285
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28.310.675.873	24.944.378.724
220	II. Tài sản cố định		23.580.629.876	24.546.732.869
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.524.479.512	10.490.582.505
222	- Nguyên giá		18.357.528.923	18.538.161.319
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.833.049.411)	(8.047.578.814)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	14.056.150.364	14.056.150.364
228	- Nguyên giá		14.086.430.364	14.086.430.364
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.280.000)	(30.280.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	1.366.624.105	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.366.624.105	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.363.421.892	397.645.855
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.363.421.892	397.645.855
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		74.771.525.650	62.554.918.749

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.136.579.020	14.205.815.925
310	I. Nợ ngắn hạn		24.142.817.500	14.205.815.925
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	782.245.000	264.010.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	824.970.900	618.519.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	50.798.245	124.555.991
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.080.981.601	108.842.424
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		98.280.694	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	31.948.231	30.144.981
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	21.204.380.000	12.990.530.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		69.212.829	69.212.829
330	II. Nợ dài hạn		993.761.520	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	993.761.520	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		49.634.946.630	48.349.102.824
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	49.634.946.630	48.349.102.824
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		42.000.000.000	42.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		42.000.000.000	42.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.254.450.000	2.254.450.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.071.101.330	4.071.101.330
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.309.395.300	23.551.494
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.551.494	(1.590.244.690)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.285.843.806	1.613.796.184
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		74.771.525.650	62.554.918.749

Nguyễn Thị Hoàng Trang
Người lập

Nguyễn Thơi
Kế toán trưởng

Đàm Ngọc Bảo
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	189.690.858.718	155.818.132.189
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		189.690.858.718	155.818.132.189
11	4. Giá vốn hàng bán	22	181.918.873.254	148.105.598.877
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.771.985.464	7.712.533.312
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	6.200.234	15.677.016
22	7. Chi phí tài chính	24	1.101.513.844	1.474.714.320
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.097.917.875</i>	<i>1.459.035.292</i>
25	8. Chi phí bán hàng	25	6.862.076.475	7.078.282.254
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.754.609.746	1.400.003.690
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.940.014.367)	(2.224.789.936)
31	11. Thu nhập khác	27	3.547.322.524	3.891.689.853
32	12. Chi phí khác		3.400	42.940.859
40	13. Lợi nhuận khác		3.547.319.124	3.848.748.994
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.607.304.757	1.623.959.058
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	321.460.951	10.162.874
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.285.843.806</u>	<u>1.613.796.184</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	306	384

Nguyễn Thị Hoàng Trang
Người lập

Nguyễn Thơi
Kế toán trưởng

Đàm Ngọc Bảo
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.607.304.757	1.623.959.058
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		966.102.993	970.097.531
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.595.969	4.387.028
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(49.836.597)	(9.617.016)
06	- Chi phí lãi vay		1.097.917.875	1.459.035.292
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.625.084.997	4.047.861.893
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.454.392.214)	20.820.363.391
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		249.713.955	11.968.685.903
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.733.543.999	(1.073.048.822)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.069.792.574)	(19.134.057)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.108.310.299)	(1.494.076.794)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.024.152.136)	34.250.651.514
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.366.624.105)	(155.982.916)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		43.636.363	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.200.234	9.617.016
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.316.787.508)	(146.365.900)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		110.491.251.520	82.427.077.500
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(101.283.640.000)	(118.515.953.444)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		9.207.611.520	(36.088.875.944)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(133.328.124)	(1.984.590.330)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.617.868.714	8.602.459.044
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.595.969)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>6.480.944.621</u>	<u>6.617.868.714</u>

Nguyễn Thị Hoàng Trang
Người lập

Nguyễn Thơi
Kế toán trưởng

Đàm Ngọc Bảo
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400101669 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 05 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 42.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 42.000.000.000 đồng; tương đương 4.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu hàng hoá, máy móc thiết bị.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các xe có động cơ khác);
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và các xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống; Bán buôn linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, du lịch lữ hành nội địa; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lao động; Dịch vụ ăn uống khác; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Hoạt động vui chơi giải trí khác;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng; Thiết kế, cài tạo, đóng mới và sản xuất, lắp ráp phương tiện cơ giới đường bộ, dụng cụ cơ khí, điện máy, đồ gia dụng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Trung tâm Ô tô Daesco Đà Nẵng

Trung tâm Ô tô Daesco Huế

Địa chỉ

Đà Nẵng

Thừa Thiên-Huế

Hoạt động kinh doanh chính

Kinh doanh và sửa chữa xe ô tô

Kinh doanh và sửa chữa xe ô tô

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm máy tính	06 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay và nợ

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	609.141.688	551.361.851
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.871.802.933	6.066.506.863
	6.480.944.621	6.617.868.714

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Lưới điện cao thế Miền Trung	2.145.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủy Nhiên	1.320.000.000	1.320.000.000
- Công ty Cổ phần Tích hợp Truyền thông Net & Com	850.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.360.290.363	4.441.614.910
	13.675.290.363	5.761.614.910

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Kết cấu thép & Xây Dựng Phan Kha	1.822.627.020	-	-	-
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	435.926.522	-	1.147.088.181	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại & Dịch vụ Phú Hồng Phong	302.802.900	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	240.400.000	-	-	-
	2.801.756.442	-	1.147.088.181	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	183.049.580	-	128.318.800	-
Ký cược, ký quỹ	575.232.991	-	-	-
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	-	-	157.000.000	-
Toà án nhân dân Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội	-	-	14.600.000	-
Trung Tâm dịch vụ bán đấu giá Thừa Thiên Huế	-	-	285.000.000	-
	758.282.571	-	584.918.800	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.234.990.000	-	2.234.990.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thùy Nhiên	1.320.000.000	-	1.320.000.000	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Hải Thịnh - Chi nhánh Hà Nội	570.000.000	-	570.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giao thông Ninh Thuận	200.000.000	-	200.000.000	-
- Các khoản khác	144.990.000	-	144.990.000	-
Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm ... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu	263.587.455	-	263.587.455	-
	2.498.577.455	-	2.498.577.455	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	80.789.940	-	6.230.264	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.448.949	-	-	-
Hàng hoá	24.852.921.122	(182.400.000)	25.184.643.702	(182.400.000)
	24.941.160.011	(182.400.000)	25.190.873.966	(182.400.000)

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Dự án Trung tâm ô tô Daesco Huế (*)	1.366.624.105	-
	1.366.624.105	-

(*) Thông tin chi tiết của Dự án:

- Tên Dự án: Xây dựng Trung tâm ô tô Daesco Huế
- Địa điểm xây dựng: Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Mục đích đầu tư: Kinh doanh ô tô Mitsubishi
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng
- Tổng mức đầu tư: 21,7 tỷ đồng
- Thời gian triển khai: Quý III năm 2017
- Thời gian dự kiến hoàn thành: Quý I năm 2018
- Đến thời điểm 31/12/2017, Dự án đã hoàn thành một phần của hạng mục xây dựng móng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.538.892.438	433.700.000	1.364.463.882	201.104.999	18.538.161.319
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(180.632.396)	-	(180.632.396)
Số dư cuối năm	16.538.892.438	433.700.000	1.183.831.486	201.104.999	18.357.528.923
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.512.272.849	146.399.995	1.341.184.172	47.721.798	8.047.578.814
- Khấu hao trong năm	871.626.708	39.999.995	23.279.710	31.196.580	966.102.993
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(180.632.396)	-	(180.632.396)
Số dư cuối năm	7.383.899.557	186.399.990	1.183.831.486	78.918.378	8.833.049.411
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.026.619.589	287.300.005	23.279.710	153.383.201	10.490.582.505
Tại ngày cuối năm	9.154.992.881	247.300.010	-	122.186.621	9.524.479.512

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.428.294.795 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.299.300.580 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	14.056.150.364	30.280.000	14.086.430.364
Số dư cuối năm	<u>14.056.150.364</u>	<u>30.280.000</u>	<u>14.086.430.364</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	30.280.000	30.280.000
Số dư cuối năm	-	<u>30.280.000</u>	<u>30.280.000</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.056.150.364	-	14.056.150.364
Tại ngày cuối năm	<u>14.056.150.364</u>	-	<u>14.056.150.364</u>

Quyền sử dụng đất không có thời hạn gồm:

- Khu đất tại địa chỉ 51 Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.806,8 m², sử dụng làm mặt bằng kinh doanh;
- Khu đất tại địa chỉ 53 Trần Phú, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 281,8 m², sử dụng làm văn phòng Công ty.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	49.066.654	10.191.057
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	65.140.940	-
	<u>114.207.594</u>	<u>10.191.057</u>
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất (*)	3.000.000.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	141.386.324	70.684.313
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	217.035.568	324.958.668
Chi phí trợ cấp thôi việc	-	2.002.874
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.000.000	-
	<u>3.363.421.892</u>	<u>397.645.855</u>

(*) Theo Hợp đồng thuê đất tại Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế để đầu tư xây dựng Trung tâm ô tô Daesco tại Huế có thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 29/12/2016. Công ty đã trả trước tiền thuê đất cho thời hạn 10 năm với số tiền 3 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục xin miễn giảm tiền thuê đất trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản nên Công ty chưa thực hiện phân bổ tiền thuê đất vào chi phí trong năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Nội thất Ô tô Khánh Tiến	231.000.000	231.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch vụ VT Hoàng Nguyên	184.360.000	184.360.000	124.960.000	124.960.000
Công ty TNHH MTV Y Trần	312.895.000	312.895.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	53.990.000	53.990.000	139.050.000	139.050.000
	782.245.000	782.245.000	264.010.000	264.010.000

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp Cơ điện lạnh Hải Đăng	200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dubbing Plaster & Chemicals	183.000.000	-
Công ty Cổ phần Kim Cượng Kính	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Trung Nam	-	150.000.000
Công ty TNHH MTV Hilin	-	196.800.000
Đối tượng khác	291.970.900	271.719.700
	824.970.900	618.519.700

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà NẵngBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		106.755.974		851.088.568		923.366.149		-		34.478.393	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	361.712.285		-		321.460.951		-		40.251.334		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		17.800.017		158.212.835		159.693.000		-		16.319.852	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		3.725.950.900		3.725.950.900		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		4.000.000		4.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		17.910.855		17.910.855		-		-	
	361.712.285		124.555.991		5.078.624.109		4.830.920.904		40.251.334		50.798.245	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	10.392.424
- Chi phí thuế kho bãi	-	98.450.000
- Chi phí phải trả nhà thầu xây lắp	1.080.981.601	-

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	7.079.231	5.275.981
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	24.869.000	24.869.000
	31.948.231	30.144.981

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (1)	12.990.530.000	12.990.530.000	109.497.490.000	101.283.640.000	21.204.380.000	21.204.380.000
	12.990.530.000	12.990.530.000	109.497.490.000	101.283.640.000	21.204.380.000	21.204.380.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (2)	-	-	993.761.520	-	993.761.520	993.761.520
	-	-	993.761.520	-	993.761.520	993.761.520
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	993.761.520	993.761.520



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (*) Hợp đồng tín dụng số HĐTĐ 87/2017VCB-KHDN ngày 18/09/2017 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức vay: 35 tỷ đồng;
 - Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay:
 - + Thế chấp bằng QSD và TS gắn liền trên đất tại 25 Phan Đăng Lưu Theo HĐTC số 35/2011/VCB - ĐN ngày 04/05/2011;
 - + Thế chấp tài sản là nhà xưởng bảo hành ô tô Hòa Hiệp và khu trung bày và bảo hành ô tô Hòa Hiệp tại 495 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Hiệp, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo HĐTC số 90/2010/VCB - ĐN ngày 20/09/2012;
 - + Thế chấp tài sản là nhà kho số 01 thuộc hệ thống kho bãi chứa hàng tại KCN DV thủy sản Thọ Quang, TP Đà Nẵng theo HĐTC số 162/2012/VCB - ĐN ngày 20/09/2012;
 - + Thế chấp tài sản là Nhà kho số 02 thuộc hệ thống kho bãi chứa hàng tại KCN DV thủy sản Thọ Quang, TP Đà Nẵng theo HĐTC số 162/2012/VCB - ĐN.
 - Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2017 là 21.204.380.000 VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Hợp đồng tín dụng số HĐTĐ 96/2017VCB-KHDN ngày 06/10/2017 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức vay: 11.500.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án;
 - Thời hạn của hợp đồng: 07 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu;
 - Lãi suất cho vay: Lãi suất 8%/năm cố định trong thời hạn 1 năm kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Các khoản giải ngân sau ngày 31/03/2018 và các khoản dư nợ sau thời gian áp dụng lãi suất cho vay cố định, Lãi suất cho vay là lãi suất cơ sở cộng margin. Lãi suất cơ sở là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng do bên vay công bố điều chỉnh 1 quý 1 lần;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 429, Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo HĐTC máy móc thiết bị số 65/2017/VCB - ĐN ký ngày 06/10/2017 và HĐTC tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai số 61/2017/VCB - ĐN ký ngày 09/10/2017;
 - Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2017 là 993.761.520 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	2.254.450.000	4.071.101.330	(1.590.244.690)	46.735.306.640
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.613.796.184	1.613.796.184
Số dư cuối năm trước	42.000.000.000	2.254.450.000	4.071.101.330	23.551.494	48.349.102.824
Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	2.254.450.000	4.071.101.330	23.551.494	48.349.102.824
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.285.843.806	1.285.843.806
Số dư cuối năm nay	42.000.000.000	2.254.450.000	4.071.101.330	1.309.395.300	49.634.946.630

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí	20.908.400.000	49,78%	20.908.400.000	49,78%
Ông Thân Hà Nhất Thống	2.551.500.000	6,08%	2.551.500.000	6,08%
Ông Nguyễn Đình Phúc	1.667.080.000	3,97%	1.667.080.000	3,97%
Công ty CP Máy - Thiết bị dầu khí Miền Bắc Việt Nam	600.000.000	1,43%	600.000.000	1,43%
Các cổ đông khác	16.273.020.000	38,74%	16.273.020.000	38,74%
	42.000.000.000	100%	42.000.000.000	100%

CH
NG
A
NK

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	42.000.000.000	42.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	42.000.000.000	42.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	42.000.000.000	42.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.071.101.330	4.071.101.330
	4.071.101.330	4.071.101.330

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	VND	VND
a) Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.096,31	2.109,50
b) Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
	242.573.036	242.573.036

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	176.289.472.043	144.658.813.586
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.401.386.675	11.159.318.603
	189.690.858.718	155.818.132.189

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	171.494.302.300	140.029.586.906
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.424.570.954	8.076.011.971
	<u>181.918.873.254</u>	<u>148.105.598.877</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.200.234	9.617.016
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	6.060.000
	<u>6.200.234</u>	<u>15.677.016</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.097.917.875	1.459.035.292
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	11.292.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.595.969	4.387.028
	<u>1.101.513.844</u>	<u>1.474.714.320</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.001.240	13.177.350
Chi phí nhân công	1.804.569.532	1.574.479.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.876.596	237.279.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.505.836.129	2.958.394.414
Chi phí khác bằng tiền	3.284.792.978	2.294.951.682
	<u>6.862.076.475</u>	<u>7.078.282.254</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	807.051.179	757.936.277
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.279.709	55.871.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.501.215	55.545.455
Chi phí khác bằng tiền	853.777.643	530.650.846
	<u>1.754.609.746</u>	<u>1.400.003.690</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	43.636.363	-
Tiền phạt thu được	-	450.000.000
Thu nhập từ tiền hỗ trợ bán ô tô	3.503.686.161	3.431.399.853
Thu nhập khác	-	10.290.000
	<u>3.547.322.524</u>	<u>3.891.689.853</u>

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.607.304.757	1.623.959.058
Các khoản điều chỉnh tăng	-	17.100.000
- Chi phí không hợp lệ	-	17.100.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.590.244.690)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(1.590.244.690)
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.607.304.757	50.814.368
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	<u>321.460.951</u>	<u>10.162.874</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(361.712.285)	(371.875.159)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>(40.251.334)</u>	<u>(361.712.285)</u>

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.285.843.806	1.613.796.184
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.285.843.806	1.613.796.184
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>306</u>	<u>384</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.254.143	24.586.859
Chi phí nhân công	3.913.060.580	3.177.519.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	966.102.993	970.097.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.878.454.838	3.157.353.369
Chi phí khác bằng tiền	6.787.001.338	5.092.364.865
	13.593.873.892	12.421.922.532

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.480.944.621	-	6.617.868.714	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.433.572.934	(2.234.990.000)	6.346.533.710	(2.234.990.000)
	20.914.517.555	(2.234.990.000)	12.964.402.424	(2.234.990.000)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	22.198.141.520	12.990.530.000
Phải trả người bán, phải trả khác	814.193.231	294.154.981
Chi phí phải trả	1.080.981.601	108.842.424
	24.093.316.352	13.393.527.405

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.480.944.621	-	-	6.480.944.621
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.198.582.934	-	-	12.198.582.934
	<u>18.679.527.555</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>18.679.527.555</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.617.868.714	-	-	6.617.868.714
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.111.543.710	-	-	4.111.543.710
	<u>10.729.412.424</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.729.412.424</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

53 Trần Phú, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	21.204.380.000	-	993.761.520	22.198.141.520
Phải trả người bán, phải trả khác	814.193.231	-	-	814.193.231
Chi phí phải trả	1.080.981.601	-	-	1.080.981.601
	<u>23.099.554.832</u>	<u>-</u>	<u>993.761.520</u>	<u>24.093.316.352</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	12.990.530.000	-	-	12.990.530.000
Phải trả người bán, phải trả khác	294.154.981	-	-	294.154.981
Chi phí phải trả	108.842.424	-	-	108.842.424
	<u>13.393.527.405</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>13.393.527.405</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là buôn bán ô tô và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo-bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	498.878.533	569.658.651
- Trong đó: Thu nhập của Giám đốc	152.770.013	157.418.717

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Hoàng Trang
Người lập

Nguyễn Thơi
Kế toán trưởng

Đàm Ngọc Bảo
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2018